

Chính kiến - giải pháp về đời sống hòa hợp

ISSN: 2734-9195 13:45 23/11/2025

Chính kiến của đạo Phật hướng dẫn chúng ta nhìn nhận vấn đề và định hướng tư duy đúng đắn, từ đó khởi tạo cho mình một môi trường sống thiện lành, hoà hợp.

Tác giả: **Quảng Viên**

Sinh viên K10, cử nhân PHTX, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM

1. Dẫn nhập

Con người là nhóm loài có tính xã hội. Suốt chiều dài lịch sử, từ thời gian lâu nhất được ghi nhận, tổ tiên chúng ta đã sống theo bầy đàn. Cùng với thời gian, loài người không ngừng tiến hoá từ nhóm nhỏ thành những làng mạc, thành phố, cộng đồng xã hội lớn như hiện nay.

Tuy nhiên, việc chung sống trong một tập hợp gồm nhiều cá nhân khác biệt về tâm lý, tính cách, học vấn, trí tuệ, quan điểm luôn phát sinh nhiều vấn đề phức tạp. Thực tế đã chứng minh, mâu thuẫn nội tại trong cộng đồng hay giữa các cộng đồng nếu bị bỏ qua hoặc xem nhẹ, sẽ dẫn đến xung đột leo thang, thậm chí, gây ra chiến tranh và bạo lực. Những bài học đầy máu và nước mắt trong lịch sử cho chúng ta thấy tầm quan trọng của việc giải quyết mâu thuẫn và sống hoà hợp trong cộng đồng xã hội.



Hình minh họa. Ảnh: Internet

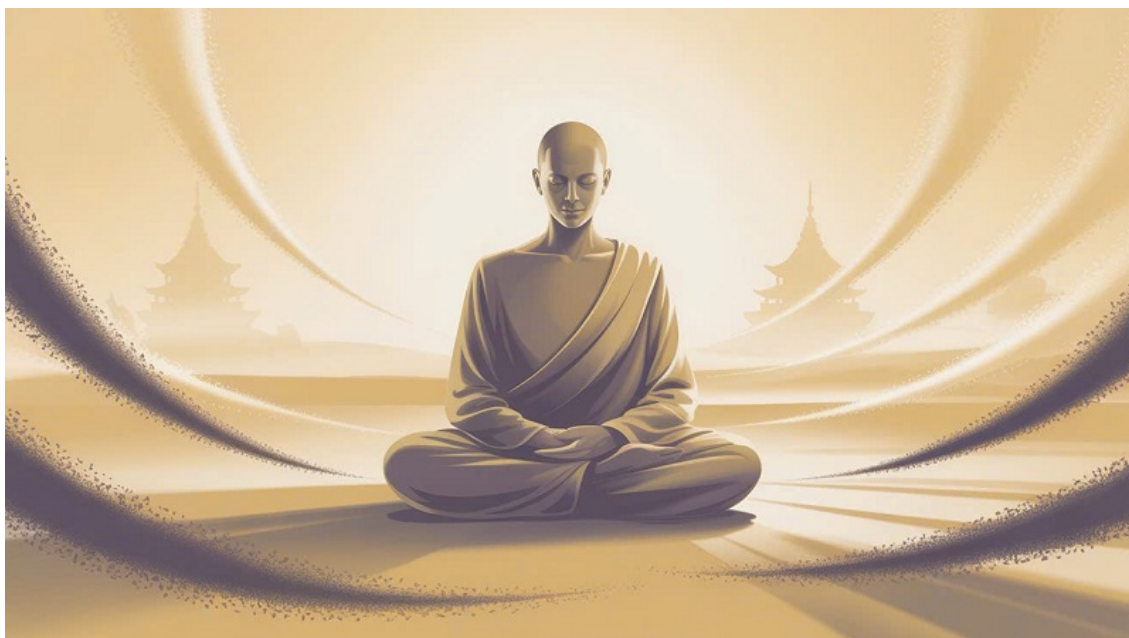
Để bảo vệ bình an cho chính mình và gia đình, xã hội, cần có những biện pháp để giải quyết và triệt tiêu mâu thuẫn, bảo hộ sự hoà hợp của cộng đồng. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu về Chính kiến - giải pháp Phật giáo về đời sống hoà hợp [1] là vấn đề mang tính thời đại, có giá trị thực tiễn cao trong bối cảnh gia tăng khủng hoảng mọi mặt của xã hội ngày nay.

Giá trị đầu tiên là sự suy nghiệm và áp dụng lời Phật dạy vào chính bản thân trong suy nghĩ, cách sống và ứng xử hàng ngày với các mối quan hệ trong gia đình và xã hội quanh mình. Bài học thứ hai, ở mức độ rộng hơn, là đóng góp cho xã hội thêm một giải pháp bảo vệ sự hoà hợp, ổn định và hoà bình trong các cộng đồng và giữa các cộng đồng với nhau, nhằm giữ gìn sự yên bình của hành tinh này.

2. Đính nghĩa Chính kiến

Chính kiến (Sammāditthi) là nội dung cốt yếu trong hệ thống giáo pháp của Phật khi Ngài để chi phần này ở vị trí đầu tiên, cũng là chi phần trung tâm của Bát Chính Đạo - con đường chấm dứt khổ đau - cũng là mục tiêu rất ráo và tối hậu của đạo Phật.

Chính kiến là sự hiểu biết đúng đắn trên nền tảng trí tuệ. Chính kiến còn là nhận thức rất ráo về nghiệp, về nguồn gốc của nghiệp, về tính đa dạng, về quả báo của nghiệp, hiểu thấu về sự chấm dứt và con đường đưa đến chấm dứt nghiệp. [2, Ch.IV: 63, tr. 218-219].



Hình minh họa tạo bởi AI

Có thể thấy một hành giả tu tập cần có Chính kiến như một tư trang thiết yếu để tiến bước trên con đường tâm linh. Với một cái thấy đúng đắn ngay từ ban đầu, dẫu con đường có xa, tinh tấn và kiên định cũng sẽ có ngày đến đích. Ngược lại, cái nhìn thiên lệch sẽ dẫn đến con đường xa rời mục tiêu ban đầu.

Chính kiến có 2 loại bao gồm *Chính kiến xuất thế gian* và *Chính kiến thế gian*.

2.1 Chính kiến xuất thế gian

Loại chính kiến cao thượng đã vượt qua các phiền não, có cái nhìn thấu suốt bản chất vạn pháp mà không bị chi phối bởi những ô nhiễm thế gian; không bị phụ thuộc vào suy nghĩ của con người hay xu hướng xã hội. Chính kiến này còn được gọi là chính kiến vô lậu, chính kiến thuộc bậc Thánh.

2.2 Chính kiến thế gian

Loại chính kiến thế nhập vào đời sống thực tiễn, phân biệt giữa thiện - ác; quy luật của nghiệp và là nền tảng đạo đức xã hội. Chính kiến này tuy không đưa đến Thánh vị nhưng có giá trị thiết thực và quan trọng trong đời sống. Đó vừa là cơ sở lí luận vừa là nguồn hướng dẫn giúp cho sự tiến bộ nhân loại về mặt đạo đức và phát triển tâm linh trên con đường luân hồi.

Trong phạm vi bài viết, chính kiến được nhắc đến với vai trò cung cấp quan điểm của Phật giáo về lối sống hòa hợp trong cộng đồng và xã hội. Nói cách khác, dựa trên việc ứng dụng nguyên lý nghiệp quả để đưa ra những cách hành xử tốt đẹp giữa các mối quan hệ của con người và phát triển các phẩm chất

thiện lành, thúc đẩy một xã hội nhân văn và hoà hợp.

3. 3. Ứng dụng Chính kiến với đời sống

3.1 Ứng dụng chính kiến trong hành xử cá nhân

Sự thay đổi tốt đẹp của xã hội bắt đầu từ sự chuyển hoá nội tâm mỗi cá nhân. Với mỗi người có chính kiến chung sống trong cộng đồng sẽ cấu tạo nên một cộng đồng hoà hợp văn minh và hướng thiện. Tuy vậy, chính kiến không tự nhiên có sẵn mà là quá trình nỗ lực tự thân trong việc phân biệt, loại bỏ, tiếp nhận, điều chỉnh nhận thức và hành vi của mình để tương hợp với quy chuẩn đạo đức và các giá trị nhân văn xã hội, tạo cho mình và mọi người xung quanh một môi trường hài hoà an lạc. Sự chuyển hoá nội tâm có thể được thực tập qua các tiêu chí:

3.1.1 Thực tập chia sẻ (bố thí)

Hành động chia sẻ, cho tặng về tài sản, thực phẩm, sức khoẻ hay trí tuệ đến người khác mà không mong cầu báo đáp, bố thí được xem là phương pháp đối trị với tham. Trong khi tham là một hình thái của tâm chấp thủ, tâm keo kiệt, là khởi sinh cho các thói quen gom nhặt vào mình thì bố thí là hành động được dẫn dắt bởi tâm rộng rãi. Đây được xem là một cách thực tập chuyển hoá tâm: từ bỏ tâm keo kiệt và dính mắc vào những sở hữu của mình để thực tập tâm hào phóng, thích chia sẻ và giúp đỡ người nhận giảm bớt khó khăn. “...*Vị thánh đệ tử [...] vui thích từ bỏ, hết lòng làm từ thiện, thích thú khi bố thí và chia sẻ. Như vậy gọi là thành tựu bố thí*”. [3, Ch. VII: 61(6); tr. 678].

Trạng thái tâm khi bố thí cũng là đối tượng cần thực tập quán chiếu và chuyển đổi. Cùng là bố thí nhưng đức Phật nói về 5 loại bố thí với chính kiến của bậc chân nhân: “*Vị ấy bố thí vì lòng tin, bố thí với sự kính trọng, bố thí đúng thời, bố thí với tâm hào phóng, bố thí không làm tổn thương mình và người khác*” [3, Ch. XV:148, 591 - 592].

Người thực tập bố thí với chính kiến như vậy sẽ nhận được sự tôn trọng, kính quý tri ân của xã hội và tâm thiện được tăng trưởng, tác động tích cực trong việc chuyển hoá cộng đồng đoàn kết gắn bó và hỗ trợ nhau.

3.1.2 Thực tập đạo đức (trì giới)

Đạo đức là hệ thống các chuẩn mực đặt ra làm cơ sở cho con người sửa đổi các hành vi ứng xử để phù hợp với lợi ích của xã hội. Đây là điểm khác biệt giữa loài người với các loài hữu tình khác. Có thể nói đạo đức xã hội là sản phẩm của văn minh nhân loại.

Hình thái xã hội luôn thay đổi nên các tiêu chuẩn đạo đức xã hội cũng bị ảnh hưởng mà biến đổi theo. Trong khi đó, đạo đức Phật giáo mang tính vượt thoát thời gian luôn có giá trị ở bất kì hoàn cảnh nào giúp con người có chính kiến để nhìn nhận và nuôi dưỡng đạo đức tự thân.



Hình minh họa tạo bởi AI

Năm giới (Pañcasīla) căn bản mà đức Phật dạy được xem là nền tảng đạo đức căn bản cho đời sống xã hội. Bằng cách giữ năm giới này, con người không chỉ trang nghiêm thanh tịnh bản thân mà còn giúp cho *“vô lượng chúng sinh được thoát khỏi mọi sợ hãi, hận thù, áp bức”* [3, Ch IV:39, tr. 621 - 622].

Đức Phật khuyên chúng ta không ngừng soi chiếu vào các hành vi của mình nhiều lần trước khi làm, đang làm và sau khi làm để biết rõ hành động ấy có hại mình hại người hại cả hai hay không, để kiểm chế những quyết định đưa đến mâu thuẫn và phát huy những hành động đưa đến lợi ích và hoà hợp. [2, Kinh số 6, tr. 174 - 177].

Bằng cách quan sát nội tâm về đạo đức và không ngừng phản tỉnh có tác ý, tâm trí luôn giữ được sự tỉnh giác cũng như ý thức đạo đức được phát triển và nâng cao.

3.1.3 Thực tập phát triển tâm

Khi ý thức đạo đức phát triển đến mức độ cao hơn, trở thành tác nhân trong việc định hướng tâm linh. Tiến trình tu tập phát triển tâm là sự diễn ra đồng thời hai hoạt động: li tâm khỏi những cảm xúc tiêu cực bởi bất thiện pháp để không cho phát triển những phiền não, cấu uế và hướng tâm đến những cảm xúc tích cực bởi thiện pháp để khởi sinh những thiện lành, khinh an, thanh tịnh. Nói cách khác, đây là quá trình thanh lọc tâm mà trước hết, phải nhận diện được đâu là cấu uế cần được loại bỏ.

Một cách khác để đối trị cấu uế trong tâm là khởi phát những đức hạnh ngược lại với ác pháp đang hiện diện, ví dụ lấy bố thí để trừ xan tham, khởi tâm bao dung để đề tâm sân hận... Cần biết rằng những ác pháp đều có gốc rễ từ tham sân si là hạ liệt trong khi những thiện pháp có giá trị hướng thượng, do đó khi tiến trình tâm càng được nâng lên, càng dễ dàng xả bỏ đoạn trừ phiền não.

3.1.4 Đối trị sân hận

Sân hận là một trong những tác nhân nổi bật nhất có thể tạo ra mâu thuẫn, xung đột, phá vỡ hoà hợp xã hội. “ *Có sáu gốc rễ của đấu tranh. Đây các tỷ kheo, thế nào là sáu? - Ở đây, này các tỷ kheo, vị tỷ kheo phần nộ và hiềm hận*” . [2, tr. 745].

Ở mức độ nghiêm trọng hơn, sân hận có thể phá huỷ xã hội mà chiến tranh là một ví dụ. Bản chất của chiến tranh là sự leo thang về bất đồng, xung đột về lợi ích, tranh chấp đưng độ, được dẫn dắt và phát triển bởi sân hận. Do đó, một xã hội không có sân hận được xem là một xã hội hoà hợp. Để đạt được sự hoà hợp xã hội, cần phải nhận diện rõ sân hận bằng chính kiến, từ đó loại bỏ sân hận bằng các phương pháp chuyển hoá tâm.

Khi cơn sân nổi lên, người như bị nhấn chìm vào lửa giận, bị đốt nóng tâm trí tới mức đánh mất chính niệm, khởi lên nhiều ác ý, ác ngôn, ác hạnh khiến mọi người ghê sợ, tránh né và xa lánh. “*Hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, nếu người đó có những bạn bè thân hữu, bà con huyết thống gì, họ sẽ xa lánh, từ bỏ người đó vì người đó bị phần nộ chinh phục*” . [2, tr. 892 - 894]

Phật dạy một mối lửa sân có thể đốt cháy cả rừng công đức.

*“Những hạnh lành tích tập trong một ngàn kiếp
Như công hạnh rộng lượng bố thí,*

Hay cúng dường những bậc An Lạc -

Chỉ một tia chớp của sân hận làm vỡ tan tất cả”. [4, tr. 43].

Khi nhận thức được sân hận có khả năng phá vỡ rào cản đạo đức để thực hiện những hành vi nguy hiểm, một người có sự tỉnh giác sẽ dừng lại dòng tư tưởng bất thiện đó. *“Hành giả cần áp dụng ý tưởng: vị này là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp của vị ấy, vị này có nghiệp là nguồn gốc, nghiệp là bà con, nghiệp là nơi nương tựa, vị ấy sẽ là kẻ thừa kế bất cứ nghiệp nào mà vị ấy đã tạo, tốt hay xấu; bằng cách này, hành giả sẽ loại trừ sân hận với vị ấy”. [2, tr. 640].*

Ngoài ra, hạnh nhẫn nhịn chính là đức hạnh quan trọng để đối chọi với sự giận dữ. Hạnh nhẫn nhịn trong đời sống thể hiện qua các phương diện: nhẫn nhục khi bị chỉ trích; không trả đũa và khi bị trừng phạt. *“Này các tỳ kheo, các ông cần phải rèn luyện như sau: Tâm chúng tôi sẽ không bị ảnh hưởng, và chúng tôi sẽ không thốt ra lời nói ác độc, chúng tôi sẽ chịu đựng với lòng bi悯 vì sự an vui của người ấy, với tâm từ, nội tâm không sân hận”. [2, tr.149 - 156].*

Với sự rèn luyện tâm như vậy, khi vướng mắc vào va chạm hoặc xung đột xã hội, có thể chuyển hoá ngay khi hình thành sân niệm.

3.1.5 Chính ngữ

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp của con người, đóng vai trò quan trọng trong việc trao đổi thông tin, cảm xúc giữa những người chung cộng đồng, được xem là tài sản của xã hội, là biểu hiện cho sự tiến bộ của xã hội. Thường thấy ở những cộng đồng văn minh, ngôn ngữ đong đầy năng lượng tích cực, có giá trị hướng thượng, khiến người được an lạc, hạnh phúc. Ngược lại, những lời nói mang tính đâm chọt, thao túng tâm lí, khiến người bất an, phẫn nộ, đau khổ thường phổ biến trong những cộng đồng bất ổn và xung đột.

Cũng vậy, một cá nhân có ý thức đạo đức cao, có chính kiến trong nhận thức sẽ cẩn trọng trong phát ngôn. Tuy nhiên, sống trong cộng đồng, để cân bằng được lợi ích cho mình và cho người thì một lời nói khéo léo và cẩn trọng là chưa đủ mà cần thực tập chính ngữ theo lời Phật dạy ở một số trường hợp tương tác xã hội như tham gia tranh luận, khen chê hay khiển trách. *“Lời nói đúng thời điểm, nói những gì đúng sự thật, nói lời dịu dàng, nói những gì lợi ích, nói với tâm từ” [2, tr.701].*



Hình minh họa tạo bởi AI

Xã hội luôn có tranh luận. Các cuộc tranh luận giúp thu nhận được nhiều ý kiến và trao đổi kinh nghiệm, tuy vậy, tranh luận có khả năng trở thành tranh cãi, nếu một trong các bên không còn giữ bình tĩnh và tôn trọng mà biến thành đấu khẩu và hạ bệ nhau để giành phần thắng. Nhằm tránh những xung đột không đáng có, đức Phật đặt ra các tiêu chuẩn làm giới hạn, đồng thời nhắc nhở thái độ cần thiết khi tham gia thảo luận cho hàng đệ tử: khả năng trả lời rõ ràng dứt khoát, sau khi đã phân tích; có khả năng giữ vững sách lược và lập trường của mình; không tránh né và đổi hướng đề tài; không biểu lộ sự tức giận, cay cú; không bắt lấy sơ hở nhỏ để trấn áp, chà đạp, chế nhạo hay chỉ trích. Đặc biệt hơn nữa, trong cuộc thảo luận khuyến khích chủ về nói, đức Phật lại dạy ta tập lắng nghe, vì *“mục tiêu của lắng tai nghe; đó là, giải thoát tâm khỏi chấp thủ”*. [2, tr.355 - 359]

Trong trao đổi và tương tác xã hội không tránh khỏi những trường hợp nhạy cảm và dễ gây khẩu nghiệp, đó là khen, chê, bình luận, khiển trách người khác. Việc tùy tiện buông lời nhận xét mà không suy xét kỹ lưỡng là một điển hình của vọng ngữ, tạo ra những nghiệp quả mà nguy hại nhất là phải *“cư trú tại chỗ bị rơi vào địa ngục tương xứng”*. [2 tr. 736 - 738]. Lời nói vốn là con dao hai lưỡi, có thể làm mối quan hệ trở nên dịu hòa, êm đẹp, cũng có thể phá vỡ tình cảm giữa người với người. Một người có chính ngữ khi phát ngôn sẽ tạo dựng được uy tín, được người tôn trọng, có những mối quan hệ với bậc thiện tri thức, *“bởi vì điều tối ưu và tối thắng là biết khen chê đúng lúc trong cả hai trường hợp”*. [2, tr. 742 - 745]

3.2 Ứng dụng Chính kiến trong các mối quan hệ xã hội

3.2.1 Cha mẹ - con cái

Gia đình là nền tảng của xã hội, là hình thái cơ bản nhất của xã hội. Quan hệ cha mẹ - con cái là sự kết nối gần gũi và bền chặt nhất giữa người với người vì mối tương quan huyết thống. Tuy nhiên, để sự liên kết trở nên tốt đẹp và lợi lạc cho các thành viên, mỗi điểm nối của sợi dây quan hệ phải thực hiện trách nhiệm với điểm bên kia và ngược lại.

Đức Phật chỉ ra năm bổn phận của cha mẹ đối với con cái; và của con cái đối với cha mẹ: *“Cha mẹ ngăn con làm điều ác, ủng hộ con làm điều thiện, dạy con tay nghề, lập gia đình tốt đẹp cho con, trao quyền thừa kế cho con.”*;t rong khi ở phía đối diện, *“con sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ, làm tròn bổn phận của người con, gìn giữ truyền thống gia đình, xứng đáng là người thừa kế, (sau khi cha mẹ mất) cúng dường phẩm vật để hồi hướng công đức cho cha mẹ”*. [6, tr. 529 - 545]

Đồng thời, bổn phận của người con đối với cha mẹ không phải là sự giao dịch bình đẳng có thể cân ke đo lường. Đức Phật *“tuyên bố trên đời có hai vị mà con người không thể nào đền đáp được công ơn. Hai vị ấy là ai? Đó là cha và mẹ”*. [2, tr.] Ơn nuôi nấng, chăm sóc và dạy dỗ, chỉ dẫn về cuộc đời là ơn đức vĩ đại vô ngần, vì đó cha mẹ được ví như Phạm thiên, các bậc thánh, chư thiên thời cổ xưa.

3.2.2 Vợ chồng

Hôn nhân là đơn vị cơ sở thành lập nên gia đình, mọi liên kết thuộc gia đình đều bắt đầu bằng hôn nhân và lại tiếp tục phát triển bằng kết hôn. Sự tương quan của vợ - chồng và cha mẹ - con cái biến chuyển theo tỉ lệ thuận mà trong đó tình yêu thương và kính trọng nhau giữa vợ và chồng là biến số quyết định.



Để vun bồi hạnh phúc an lạc cho gia đình, đức Phật chỉ cho các cặp vợ chồng những điều cần thực hiện: trong khi *“người chồng cần tôn trọng vợ, chung thủy với vợ, trao quyền hành cho vợ, tặng quà cho vợ”* thì để đáp lại, *“người vợ săn sóc nhà cửa, đối xử tử tế với gia nhân, trung thành với chồng, giữ gìn tài sản cho chồng, khéo léo cần mẫn trong mọi việc”* [6, tr. 529 - 545]. Qua sự phân loại của đức Phật về các hạng vợ chồng, ta thấy tầm quan trọng của việc giữ giới sẽ nâng đỡ phẩm hạnh của chúng ta ra sao, cũng thấy được sự hoà hợp của vợ chồng dựa trên tương xứng về nghiệp và tương đồng về nhận thức.

3.2.3 Các mối quan hệ gia đình khác

Gia đình không thể tồn tại độc lập mà là một dạng liên kết mạng lưới, một người trong gia đình cũng đồng thời là thành viên trong một hoặc nhiều gia đình khác nên sự giao thoa và cộng hưởng lẫn nhau là không thể tránh khỏi. Hành động của người này chắc chắn ảnh hưởng đến nhiều người khác trong nhà, *“cũng như một trận mưa lớn, nuôi dưỡng các vụ mùa, đem lại lợi lạc, an vui và hạnh phúc cho nhiều người”*. Khi một thành viên trong gia đình có đức hạnh tốt, làm được nhiều thiện pháp, có trí tuệ và lòng thương, giúp đỡ được nhiều người. Đức Phật nói *“người ấy đem lại lợi lạc, an vui và hạnh phúc cho cha mẹ, vợ con, gia nhân, người làm công và người giúp việc, bạn bè và thân hữu, sa môn và bà la môn.”* [2, tr. 337 - 338]. Cùng với việc hưởng lợi từ người con ưu tú trong gia đình, họ cũng đồng thời được *“tăng trưởng lòng tin, đức hạnh, học tập, tâm bố thí, trí tuệ”*. Đó là một tín hiệu tốt vì càng nhiều người cùng nhận được lợi lạc và cùng chuyển hoá nội tâm sẽ tạo ra trường năng lượng thiện lành thúc đẩy xã hội đi

lên.

3.2.4 Bạn bè

Bạn bè là mối quan hệ xã hội gần gũi nhất của con người ngoài gia đình, là đối tượng chúng ta được tự do lựa chọn để thiết lập mối liên kết, và thường con người có xu hướng gần gũi với người cùng tính cách và tư duy. Tục ngữ Việt Nam có câu “Đi với bụi mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy” cho thấy một người bạn tốt có sức ảnh hưởng lớn trong việc hình thành và phát triển nhân cách của một người cũng như xây dựng một cộng đồng hoà hợp và đạo đức. Cùng ý nghĩa đó, đức Phật dạy rằng một trong những điều lành tối thượng mà con người có được là: *“Không giao lưu kẻ xấu/ Gần gũi người hiền trí”*.

Đức Phật chỉ ra bảy phẩm chất của một người bạn đích thực mà ta nên kết bạn: *“Người ấy cho những gì khó cho; làm những gì khó làm; nhẫn nhục chịu đựng những gì khó chịu đựng; tiết lộ bí mật của mình cho bạn biết; che giấu những bí mật của bạn; không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn; không khinh rẻ khi bạn bị khinh tặn.”* [2, tr. 322 - 323]. Ngoài ra cũng có thể gần gũi với những tiền bối, các bậc hiền giả, tỳ kheo, những vị “vui tính và dễ chịu; được kính trọng; được ngưỡng mộ; là một nhà thuyết pháp; nhẫn nhục chịu đựng lời chỉ trích của người khác; thuyết giảng sâu sắc; không thúc đẩy bạn làm những gì sai trái.” [2, tr. 323 - 324] để noi gương học hỏi và hoàn thiện bản thân.

Con người vốn không thể tránh khỏi những giao tế xã hội, tuy nhiên chúng ta có thể điều chỉnh mức độ kết nối nông sâu để mang lại an lạc cho cuộc sống của mình. Một trong những nguồn lợi lạc trong đời sống hiện tại là có một người bạn tốt, là “Người bạn thường giúp đỡ mình; biết chia sẻ niềm vui nỗi buồn với mình; người bạn chỉ cho mình biết những điều thiện lành và biết đồng cảm với mình”. [6, tr. 538 - 540].

Nếu mỗi người đều trở thành “người bạn tốt” và có cho mình nhiều tình bạn tốt, xã hội sẽ có một nền tảng hoà hợp vững chắc và mang lại nhiều giá trị an vui hạnh phúc.

3.2.5 Đất nước - xã hội

Đất nước là một đơn vị cộng đồng lớn nhất trong phạm vi lãnh thổ mà một cá nhân thuộc về. Sức ảnh hưởng của bộ máy điều hành đất nước chi phối rất lớn lên đời sống và cách hành xử của nhân dân. *“Khi các quốc vương cai trị không chơn chính, ...thì dân chúng từ thành thị đến thôn quê cũng trở nên không chơn chính.”* [2, tr. 342 - 343]. Theo đó, khi một (hoặc nhiều) vị lãnh đạo đất nước

thiếu đạo đức, các hành vi không đúng mực, sẽ dung túng cho bên dưới làm ra những hành vi vô đức, coi thường pháp luật, gây rối xã hội và cộng đồng. Một đất nước với nhiều bất ổn và vấn đề nội bộ phát sinh như vậy sẽ không thể cường thịnh và phát triển, không thể tập trung nguồn lực để chăm lo đời sống dân chúng, *“mạng sống của họ sẽ ngắn, xấu xí, yếu ốm và bệnh hoạn.”* [2, tr. 342 - 343]. Từ những nguy cơ đó, đức hạnh được xếp vào một trong những tiêu chí tiên quyết lựa chọn nhà cầm quyền: *“Nương tựa vào Chính pháp, đánh lễ Chính pháp, lấy Chính pháp làm tiêu chuẩn làm ngọn cờ và chủ quyền.”* [6, Kinh số 26]. Việc làm đầu tiên khi trở thành người đứng đầu đất nước là việc bảo an dân sinh “thiết lập các biện pháp bảo vệ, cung cấp nơi cư trú, an toàn đúng pháp”; nghiêm chỉnh pháp luật, giữ vững an ninh, “không để phi pháp có mặt” trong đất nước mà mình cố gắng; song song việc “bố thí cho những người nghèo khổ”, nhà nước cung cấp vật tư và nguyên liệu, hỗ trợ về mặt sản xuất và hướng nghiệp để mỗi người trong đất nước đều có cơ hội tham gia thị trường lao động và đóng góp cho xã hội. Những điều đó đều góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước, tạo nên một xã hội hoà hợp thịnh vượng vì *“đất nước được thanh bình yên ổn và không bị trộm cướp quấy nhiễu, dân chúng được an cư lạc nghiệp, chơi đùa vui vẻ với con cái, sống trong nhà với cửa mở rộng”*. [6, tr. 240 -243]

4. Kết luận

Chính kiến của đạo Phật hướng dẫn chúng ta nhìn nhận vấn đề và định hướng tư duy đúng đắn, từ đó khởi tạo cho mình một môi trường sống thiện lành, hoà hợp bởi con người vốn dĩ không tách khỏi ảnh hưởng đa chiều của gia đình, cộng đồng, quốc gia và xã hội.

Trong một thế giới đang ngày càng nhiều sự đối đầu và ganh đua giữa các quốc gia, các cuộc chiến về kinh tế, tài lực, công nghệ, quân sự hoặc công khai hoặc ngầm ngấm đang tạo nên những sức ép vô hình khiến dân chúng toàn cầu luôn sống trong bất an và hỗn loạn. Bất an dễ sinh phản kháng, chia rẽ, phá vỡ sự cân bằng và ổn định của nhiều cộng đồng.

Trước vấn nạn mang tính thời cuộc này, những lời chỉ dạy đầy trí tuệ và từ bi của đức Phật như kim chỉ nan mở ra hướng giải quyết cục diện rối rắm và phức tạp của toàn thể nhân loại.

Một số ý kiến có thể cho rằng chiến tranh và xung đột là vấn đề vĩ mô thuộc tầm quốc tế, nhưng nếu mỗi cá nhân có thể chuyển hoá tự thân, sự cộng hưởng đó có thể tạo nên một cộng đồng hoà hợp bền vững.

Đạo Phật không chỉ là một tôn giáo mà còn là nghệ thuật sống. Giá trị của đạo Phật không chỉ dừng lại ở chức năng tín ngưỡng và đức tin mà còn là những triết lý giúp con người tìm được an bình nội tâm và an lạc trong cuộc sống. Bằng những chuyển hoá nội tại mang ảnh hưởng của Phật giáo, chúng ta chuyển hoá chính thế giới mà ta đang sống, từ hận thù, tranh đấu, toan tính, ích kỷ sang một thế giới tình thương, hoà hợp, bao dung và hạnh phúc cho chính mình và mọi người. Đạo Phật ra đời để phục vụ cho cuộc sống và con người, vì những vấn đề của con người đều được tìm thấy và giải quyết bằng những bài học của Phật.

Tác giả: **Quảng Viên**

Sinh viên K10, cử nhân PHTX, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM

Tài liệu tham khảo:

[1]. Bikkhu Bodhi (2018), *Lời Phật dạy về sự hoà hợp trong cộng đồng và xã hội, hợp tuyển từ kinh tạng Pali*, (Nguyễn Nhật Trần Như Mai, dịch giả) TP.HCM: Nxb Hồng Đức.

[2]. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (2022), *Kinh Trung Bộ, (Majjhima Nikāya)*, (Thích Minh Châu, Dịch giả) TP. Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (2022), *Kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikaya)*, (Thích Minh Châu, Dịch giả) TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.

[4]. Bikkhu Shantideva (1999), *“Chương 6: Nhẫn nhục”, Một tia sáng chớp sáng trong đêm tối - Bồ Tát hạnh*, (Đoàn Phụng Mệnh, dịch giả), TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Thiện Tri Thức.

[5]. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (2022), *Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya)*, (Thích Minh Châu, Dịch giả) TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.

[6]. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (2022), *Kinh Trường Bộ (Dīgha Nikaya)*, (Thích Minh Châu, Dịch giả) TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.